

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2018/HSST

Ngày 16 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Minh Hải;

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Phạm Khắc Mã

2.Ông Trần Tuấn Hưởng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Phan Thanh Tiến—chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2018/HSST, ngày 08 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-HS ngày 06/03/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mẫn Văn S, sinh ngày: 05/7/1987.

Nơi cư trú: xóm P, xã L, huyện P, tỉnh T; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mẫn Văn T, sinh năm 1952; Con bà: Hoàng Thị Th, sinh năm 1954; Có vợ: Ngô Thị Th1, sinh năm 1990 (Đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2009.

- Tiền án 01: Tại bản án số 22 ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Mẫn Văn S 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 17/10/2016.

- Tiền sự: Ngày 10/3/2015, Công an xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Đến nay S vẫn chưa nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh Lương Văn T, sinh năm 1973, trú tại: xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh T. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Đàm Văn D, sinh năm 1990, Địa chỉ: xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh T (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:**

Anh Phạm Quang P, sinh năm 1975 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Trú quán: Tổ 37, phường Q, Thành phố T, tỉnh T

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 23 tháng 11 năm 2017, Mẫn Văn S đi bộ một mình từ ga Đồng Quang đến khu vực tái định cư thuộc tổ 36, phường Q, Thành phố T, tỉnh T với mục đích xem ai có tài sản gì sơ hở thì trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đi qua lán của thợ xây dựng nhà cho gia đình anh Phạm Quang Dương. S quan sát thấy trong lán có hai người đàn ông đang ngủ (sau được biết là anh Lương Văn T, sinh năm 1973 và anh Đàm Văn D, sinh năm 1990, đều trú tại xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh T là thợ xây nhà anh Dương). S đi vào trong lán thấy trên bàn để ti vi có 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1110i, vỏ màu đen, trắng (sau xác định là của anh Lương Văn T và của anh Đàm Văn D) S liền dùng tay phải lấy trộm 02 chiếc điện thoại trên cho vào túi quần rồi đi ra khỏi lán thì bị anh T và D phát hiện đuổi bắt nhưng S bỏ chạy thoát và để rơi lại đôi dép bằng da màu nâu. Sau đó, S mang 02 chiếc điện thoại trên đi bán được 200.000 đồng. Số tiền này S đã mua ma túy sử dụng hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 376/HĐ ĐGTS ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1110i đã qua sử dụng có tổng trị giá 300.000 đồng

Tại Cơ quan điều tra, Mẫn Văn S khai nhận T bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai nhận của S phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá.

Về vật chứng: 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1110i. Hiện tài sản trên không thu hồi được. Anh T và anh D không đề nghị bị cáo S phải bồi thường.

01 đôi dép bằng da màu nâu hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự, thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tuy tài sản mà S chiếm đoạt có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng trước đó S đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi của S lần này đã cấu thành tội phạm.

Tại bản Cáo trạng số 113/KSĐT-KT ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Mẫn Văn S về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Mẫn Văn S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Mẫn Văn S từ 09 đến 12 tháng tù.

* Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

* Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lương Văn T và anh Đàm Văn D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không giải quyết.

* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu tiêu hủy 01 đôi dép bằng da màu nâu đã qua sử dụng.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo Mẫn Văn S: Không đối đáp, tranh luận. Nhất trí với nội dung Bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo xin hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Mẫn Văn S không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy lời nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án như: biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 02 giờ ngày 23/11/2017, tại khu vực tổ 36,

phường Thành phố T, tỉnh T, Mẫn Văn S là người đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản đã thực hiện hành vi trộm cắp 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1110i của anh Lương Văn T và anh Đàm Văn D có tổng trị giá 300.000đồng. Sau khi trộm cắp được 02 chiếc điện thoại trên, S mang đến bán cho cửa hàng mua bán điện thoại di động gần đối diện bến xe khách Thái Nguyên cũ lấy 200.000đồng. Hiện số tài sản trên không thu hồi được. Anh T và anh D không đề nghị bị cáo S phải bồi thường.

Tuy tài sản mà bị cáo S chiếm đoạt có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo lần này đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Bản cáo trạng số: 113/KSĐT- KT ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Mẫn Văn S về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung khoản 1 Điều 138 BLHS quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với lỗi cố ý, làm mất trật tự an T xã hội, bị cáo phải hoàn T chịu trách nhiệm về T bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã có một tiền án và 01 tiền sự về cùng hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thật thà khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, đó là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định Điều 52 BLHS năm 2015.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường do đó Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

Số tiền 200.000 đồng có được do bán tài sản phạm pháp mà có, xác định là tiền thu lời bất chính nên cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về vật chứng: 01 đôi dép bằng da màu nâu đã qua sử dụng không còn giá trị cần tịch thu tiêu hủy

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9]. Các vấn đề khác: Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1/Tuyên bố: Bị cáo Mẫn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Mẫn Văn S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2017.

Quyết định tạm giam bị cáo Mẫn Văn S 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3/Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép bằng da màu nâu đã qua sử dụng. (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 158 ngày 08/02/2018 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

Truy thu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) là tiền thu lời bất chính của bị cáo S để nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Trần Thị Minh Hải